

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 02 – 2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn
Mộng Đẹp** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “*ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1993 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Tân T, huyện G, tỉnh T.

*** Bị đơn: Đặng Bảo T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh Đặng Bảo **T** chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân **T**, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/6/2016.

Nay, Chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **T** do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

+ Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên: Đặng Bảo Trăm, sinh ngày 08/11/2016, khi ly hôn chị **T** yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, tài sản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Bảo **T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh **T** vắng mặt, nên không tiến hành ghi nhận ý kiến của anh **T** được.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên Tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm **T** xin được ly hôn với anh Đặng Bảo **T**.

- Về con chung: Giao con chung Đặng Bảo Trăm sinh ngày 08/11/2016 cho chị **T** chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **T**, anh **T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó việc xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân: Do anh **T** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không tiến hành lấy lời khai được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị **T** để giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **T** là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai chị **T** đã chứng minh được chị **T** và anh **T** ly thân từ năm 2017 cho đến nay, với những lý do mà chị **T** đưa ra.

Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của chị **T** được ly hôn với anh **T**.

[3] Việc nuôi con chung:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

- Cháu Đặng Bảo Trăm hiện đang sống cùng chị **T** và đang phát triển bình thường, để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**, tiếp tục giao cháu Trăm cho chị **T** chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

- Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản nợ: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp theo biên lai thu tiền số 0003511 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

- Anh Đặng Bảo T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Đặng Bảo T.

2. Việc nuôi con: Giao con chung tên Đặng Bảo Trăm, sinh ngày 08/11/2016 cho chị T, tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

- Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản nợ: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã dư nộp theo biên lai thu tiền số 0003511 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

- Anh Đặng Bảo T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND thị xã G;
- + Chi cục THADS thị xã G;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phai

